

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng
Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 12/01/2023 tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 443/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1090A/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1147/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện N giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T, sinh năm 1981**

- Bị đơn: **Anh Châu Văn C, sinh năm 1982**

Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp Bà Trường, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh C vắng mặt)

Nội dung vụ án

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và tại hồ sơ vụ án chị Lê Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Văn C chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã p. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì con cái nhiều lần chị đã bỏ qua để vợ chồng hàn gắn nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng dù sống chung một nhà nhưng hiện nay tình cảm không còn. Vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Châu Trung H, sinh ngày

06/12/2007 và Châu Phương T, sinh ngày 10/01/2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng tại biên bản làm việc cuối cùng chị T thay đổi ý kiến chị quyết định không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có.

Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ rất lâu mà không gần gũi được nên nay chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử. Do bận công việc đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại mọi buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

*** Bị đơn anh Châu Văn C đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai tại hồ sơ.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp đúng quy định pháp luật, tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Anh C đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh C theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Châu Trung H, sinh ngày 06/12/2007 và Châu Phương T, sinh ngày 10/01/2014 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng anh Châu Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Lê Thị T xin ly hôn với anh Châu Văn C. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2022 anh C có nơi cư trú là ấp Bà Trường, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật

được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Lê Thị T và bị đơn là anh Châu Văn C.

[3]. Về nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Chị T xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì con cái nhiều lần chị đã bỏ qua để vợ chồng hàn gắn nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng dù sống chung một nhà nhưng hiện nay tình cảm không còn. Vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Mặt khác Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C và chị T đến đề hòa giải đoàn tụ nhưng anh C đều vắng mặt không lý do điều đó cho thấy anh C không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ với chị T. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận nên cần xét xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được có tại hồ sơ và lời khai của đương sự xác định chị T và anh C có 02 con chung tên Châu Trung H, sinh ngày 06/12/2007 và Châu Phương T, sinh ngày 10/01/2014. Các con chung đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở cùng chị T. Tại hồ sơ vụ án chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T là người thường xuyên chăm sóc con chung nên xét giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh C được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không, qua xác minh tại địa phương thì không có ai yêu cầu chị T, anh C phải thanh toán nợ chung nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với bị đơn anh Châu Văn C về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Xử: cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Châu Văn C.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Châu Trung Hiếu, sinh ngày 06/12/2007 và Châu Phương Thảo, sinh ngày 10/01/2014 cho chị T được quyền nuôi dưỡng, anh Châu Văn C tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008360 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. (Chị T đã nộp xong).

3. Chị T và anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Oanh